

**Phụ lục số 04**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 155 /2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL  
NĂM 2016**

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **061.3836148**
- Số fax: **061.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com; www.thepbienhoa.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

***Quá trình hình thành và phát triển***

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

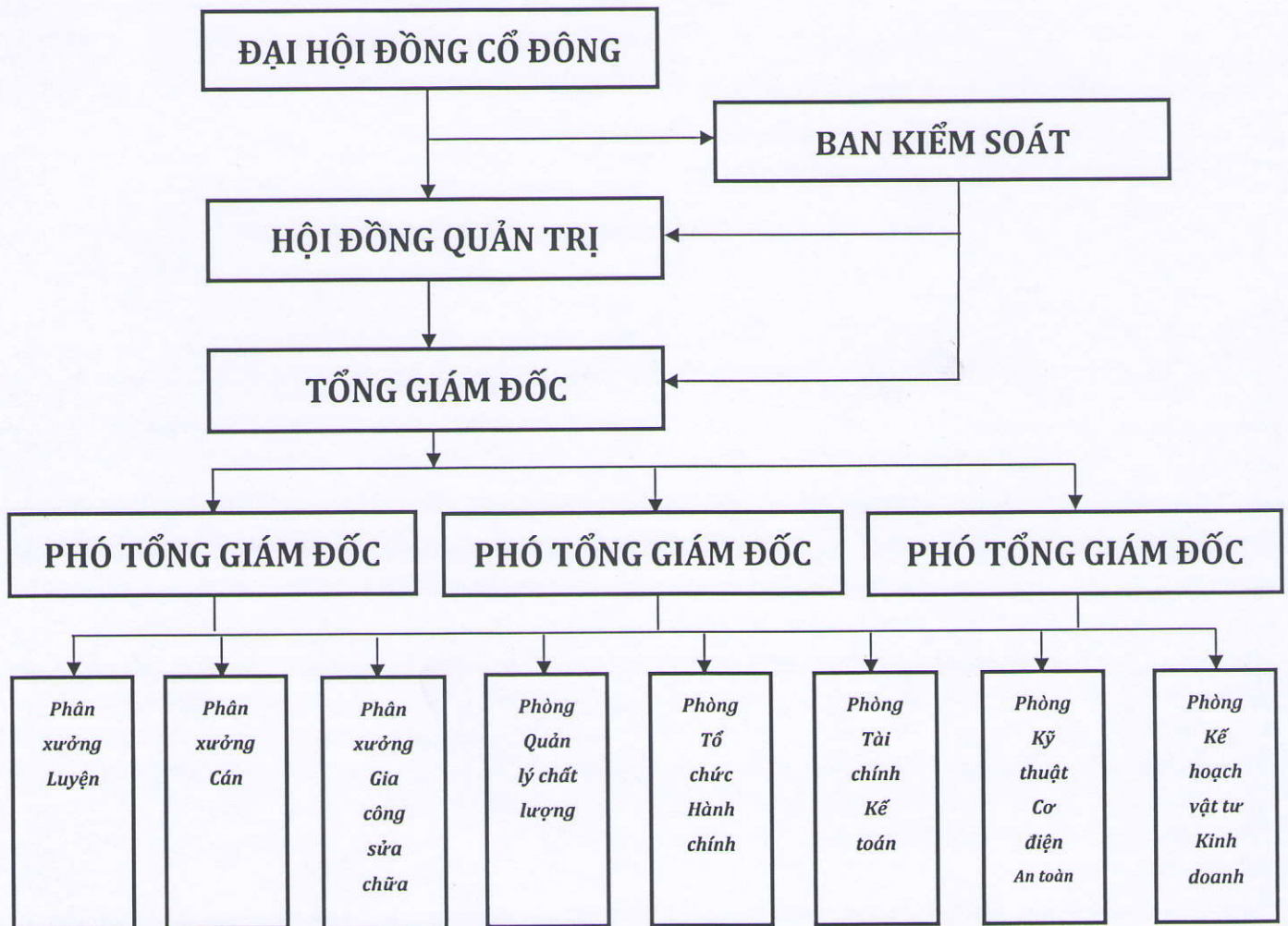
Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- **Ngành nghề kinh doanh:** + Sản phẩm thép cán  
+ Sản phẩm phôi thép
- **Địa bàn kinh doanh:** + Thành phố Hồ Chí Minh  
+ Bà Rịa - Vũng Tàu  
+ Nha Trang  
+ Cần Thơ

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

- **Mô hình quản trị.**



- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:**

Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng Chuyên môn;

+ Các phân xưởng.

### **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

### **Hội đồng quản trị:**

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

- |                        |                               |
|------------------------|-------------------------------|
| + Ông Lê Văn Cam       | - Chủ tịch Hội đồng quản trị; |
| + Ông Nguyễn Xuân Tiến | - Thành viên;                 |
| + Ông Nguyễn Văn Lộc   | - Thành viên;                 |
| + Ông Nguyễn Đông Vững | - Thành viên;                 |
| + Ông Nguyễn Bảo Giang | - Thành viên.                 |

### **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- |                        |                         |
|------------------------|-------------------------|
| + Ông Nguyễn Phước Hải | - Trưởng ban kiểm soát; |
| + Ông Lê Trọng Dung    | - Thành viên;           |
| + Ông Hồ Duy Khải      | - Thành viên.           |

### **Ban Tổng Giám đốc:**

**Tổng Giám đốc:** Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

**Các phó Tổng giám đốc:** Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 03 phó Tổng Giám đốc:

- |                        |                          |
|------------------------|--------------------------|
| + Ông Nguyễn Xuân Tiến | - Tổng giám Đốc Công ty; |
|------------------------|--------------------------|

- + Ông Vương Thanh Đường - Phó Tổng Giám đốc;
- + Ông Lê Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc;
- + Ông Nguyễn Đông Vững - Phó Tổng Giám đốc.

**Kế toán trưởng:** Ông Nguyễn Thanh Hùng.

**Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty:** gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

- + Phòng Tổ chức – Hành chính: - Ông Vũ Hồng Khanh: Trưởng phòng;
- + Phòng Tài chính – Kế toán - Ông Nguyễn Thanh Hùng: Trưởng phòng;
- + Phòng Kế hoạch – Vật tư – Kinh doanh - Ông Phạm Phú Nguyên: Trưởng phòng;
- + Phòng Kỹ thuật - Cơ điện - An toàn - Ông Nguyễn Quyết Chiến: Trưởng phòng;
- + Phòng Quản lý – Chất lượng - Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng;
- + Phân xưởng Luyện - Ông Nguyễn Trọng Ba: Quản đốc;
- + Phân xưởng Cán - Ông Lê Trọng Dung: Quản đốc;
- + Phân xưởng Gia công – Sửa chữa - Ông Trần Ngọc Quân: Quản đốc.

**– Các công ty con, công ty liên kết:**

Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

**4. Định hướng phát triển**

**– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2016:**

- + Kế hoạch sản xuất:
  - Sản lượng: Sản lượng thép phôi: 150.000 tấn.
  - Sản lượng thép cán: 130.000 tấn.
- + Doanh thu: 1.252.200 triệu đồng.
- + Kế hoạch tiêu thụ: 130.000 tấn sản phẩm thép cán.
- + Lợi nhuận trước thuế: 25.000 triệu đồng.
- + Cổ tức: 11 %

**– Công tác môi trường:**

+ Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

+ Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

**– Công tác tổ chức lao động, tiền lương và đời sống:**

- + Thực hiện việc trả lương theo chế độ khoán sản phẩm và các chế độ khác của người lao động theo đúng qui định và các chế độ hiện hành.
- + Lao động bình quân trong năm 2016 là 460 người (trong đó có 29 nữ).

+ Lương bình quân của người lao động là 10.200.000 đồng/người/tháng. (Năm 2015 là 9.200.000 đồng/người/tháng).

+ Chu cấp chi phí và phương tiện cho người lao động đi nghỉ mát hàng năm.

+ Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ 438 người và khám bệnh nghề nghiệp cho 152 người lao động. Năm 2016 không có công nhân nào mắc bệnh nghề nghiệp.

**- Công tác an ninh trật tự và an toàn lao động:**

+ Duy trì thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ vững an ninh chính trị trật tự trong Công ty.

+ Công tác huấn luyện định kỳ được thực hiện nghiêm túc từ đầu năm và tổ chức huấn luyện cho 460 công nhân, mở 06 lớp huấn luyện an toàn cho các công nhân vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, mở 01 lớp huấn luyện công tác an toàn cho cán bộ quản lý.

+ Trang bị và sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng yêu cầu ngành nghề, rà soát, bổ sung các quy định an toàn, nội qui trong công tác BHLĐ. Trong năm có 03 vụ tai nạn lao động nhẹ. Nguyên nhân do người lao động chưa chấp hành đúng qui trình, qui định an toàn lao động.

+ Duy trì nề nếp công tác kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, tổ chức đội chuyên trách phòng chống ngập và công tác PCCN. Quan tâm tốt đến vệ sinh đường giao thông nội bộ, mặt bằng sản xuất, chăm sóc, trồng thêm cây xanh cải tạo môi trường làm việc.

**- Công tác Tài chính – Kế toán:**

+ Thực hiện đúng các chế độ, quy định về tài chính của Nhà Nước và quy chế tài chính của Công ty cổ phần.

+ Bảo đảm các thời hạn khai báo thuế và nộp thuế đầy đủ. Công bố thông tin chính xác, đúng hạn theo yêu cầu với công ty đại chúng.

+ Phân tích chi tiết chi phí sản xuất kịp thời.

+ Đáp ứng đủ vốn và kịp thời cho sản xuất kinh doanh với mức chi phí tài chính hợp lý.

+ Đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra tài chính định kỳ của Tổng Công ty và công tác kiểm toán hàng năm, bảo đảm đúng các chế độ thống kê, luân chuyển, lưu trữ chứng từ.

**- Công tác kỹ thuật và Công nghệ:**

+ Thiết bị lò 20 tấn và lò tinh luyện hoạt động ổn định. Chất lượng sản phẩm đạt ở mức cao. Trong năm tập trung sản xuất các mác thép cacbon thông thường và hạn chế sản xuất các mác thép hợp kim thấp độ bền cao. Tuy nhiên thiết bị lò có nhiều hạn chế, mặt bằng công nghệ không thuận lợi nên rất khó hợp lý hóa sản xuất để giảm các chỉ tiêu kỹ thuật.

+ Thiết bị cán hoạt động tương đối ổn định, công nghệ cán ngày càng được hoàn thiện cho phép khả năng nâng công suất cán, chất lượng sản phẩm đạt mức tối đa và giảm chi phí sản xuất. Cũng như Luyện thép, mặt bằng chật hẹp và công nghệ cũ cũng đang là cản trở lớn đến khả năng cạnh tranh của đơn vị.

**6. Các rủi ro:**

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**II. Tình hình hoạt động trong năm**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

**- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

+ Sản lượng phôi thép đạt 158.283 tấn đạt 105,52 % kế hoạch năm, vượt so với năm 2015 là 10,58%.

+ Sản lượng thép cán đạt 130.081 tấn đạt 100,06% kế hoạch năm, vượt so với năm 2015 là 6,12%.

Sản lượng sản xuất của Công ty tăng do thị trường tiêu thụ tương đối ổn định từ đầu năm đến cuối năm, lượng sản xuất hàng tháng của phôi thép bình quân trên 13.000 tấn/tháng và thép cán khoảng 10.500 tấn/tháng. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm đạt hiệu quả tốt là do sử dụng tối đa công suất thiết bị, sản lượng sản xuất phôi thép và thép cán đạt khoảng 90% công suất thiết bị.

+ Sản lượng tiêu thụ đạt 134.779 tấn đạt 103,68 % kế hoạch năm, vượt so với năm 2015 là 9,21 %.

- Sản phẩm tiêu thụ thép cán đạt 134.779 tấn, bằng 103,68 % kế hoạch năm. Trong đó thép cuộn tiêu thụ được 62.837 tấn chiếm tỉ lệ 46,62% và thép thanh tiêu thụ được 71.942 tấn chiếm tỉ lệ 53,38%. Trong đó, loại hợp kim thấp độ bền cao là 1.055 tấn chiếm tỉ lệ 1,47 % tổng lượng thép thanh tiêu thụ trong năm.

Hiện nay công tác tiêu thụ thực hiện theo Quy định quản lý giám sát hoạt động và tiêu thụ sản phẩm thép của Tổng Công ty đã từng bước đi vào ổn định và phát huy hiệu quả. Đã có gắn kết và đồng bộ nhất định giữa các công ty cổ phần và Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL trong việc lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như trong việc xây dựng giá bán thép.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt được 30,465 tỷ, đạt được 152,33 % kế hoạch là do tập thể lãnh đạo và cán bộ CNV Công ty đã nỗ lực hết mình vượt qua khó khăn để đứng vững trên thị trường trong tình hình cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

**- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

**+ Sản xuất:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Tỷ lệ % 2016 (TH/KH)	Tỷ lệ % (2016/2015)
Thép Luyện	Tấn	150.000	143.145	158.283	105,52	110,58
Thép Cán	Tấn	130.000	122.578	130.081	100,06	106,12

**+ Kinh doanh:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	Tỷ lệ % 2016 (TH /KH)	Tỷ lệ % (2016/2015)
Tiêu thụ Cán	Tấn	130.000	123.414	134.779	103,68	109,21
Doanh thu	Tỷ đồng	1.252	1.404	1.413	112,86	100,64
Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	25	49	38	152,00	77,55

**2. Tổ chức và nhân sự**

– Danh sách Ban điều hành:

**2.1 Ông Nguyễn Xuân Tiến:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu.

**2.2 Ông Vương Thanh Đường:** Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 0 cổ phiếu.

**2.3 Ông Nguyễn Đông Vững:** Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.518.750 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 1.518.750 cổ phiếu.

**2.4 Ông Lê Văn Tuấn:** Phó Tổng Giám Đốc.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 3.375 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 3.375 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền 0 cổ phiếu.

**2.5 Ông Nguyễn Thanh Hùng:** Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.958 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 1.958 cổ phiếu.

– Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2016 là: 462 người.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a. Các khoản đầu tư lớn:**

Trong năm 2016 Công ty đã đầu tư 10 hạng mục và sửa chữa lớn 06 hạng mục.

- Sửa chữa lớn 06 hạng mục, đã đưa vào sử dụng và quyết toán xong với giá trị 4,36 tỷ đồng.

- Đầu tư với 10 hạng mục, đưa vào sử dụng và quyết toán xong với giá trị 17,73 tỷ đồng.

Trong đó các hạng mục liên quan đến sản xuất luyện và cán đã góp phần rất tốt vào việc ổn định và nâng cao chất lượng cũng như sản lượng sản xuất như máy đúc liên tục R 5,25 m, máy cán thô dùng vòng bi, cụm đường lăn chuyển thổi sau máy cắt nóng, máy quang phổ phát xạ thử nghiệm thành phần hóa học, ...

**b. Các công ty con, công ty liên kết:**

Không có Công ty con và Công ty liên kết.

**4. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm (2016/2015)
Tổng giá trị tài sản	347.107.170.291	322.275.899.163	- 7,15
Doanh thu thuần	1.401.650.295.477	1.410.853.147.522	0,66
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	58.418.375.851	38.676.650.552	- 33,79
Lợi nhuận khác	(9.206.366.642)	(545.896.762)	
Lợi nhuận trước thuế	49.212.009.209	38.130.753.790	- 22,52
Lợi nhuận sau thuế	38.328.627.933	30.464.594.313	- 20,52

**b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,11	2,53	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,77	1,23	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,29	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,54	0,41	



<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	6,86	9,38	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4,04	4,38	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0273	0,0216	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,1706	0,1331	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,1104	0,0945	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0418	0,0274	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông.

Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 15.187.322 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: không.

**b. Cơ cấu cổ đông:**

Cơ cấu cổ đông như sau:

➤ <b>Cổ đông trong nước:</b>	<b>15.182.260 CP</b>	<b>Tỷ lệ:</b>	<b>99,97 %</b>
• <i>Cổ đông Nhà nước:</i>	<i>9.871.875 CP</i>	<i>Tỷ lệ:</i>	<i>65,00 %</i>
• <i>Cổ đông tổ chức:</i>	<i>2.108.948 CP</i>	<i>Tỷ lệ:</i>	<i>13,89 %</i>
• <i>Cổ đông cá nhân:</i>	<i>3.201.437 CP</i>	<i>Tỷ lệ:</i>	<i>21,08 %</i>
➤ <b>Cổ đông nước ngoài:</b>	<b>5.062 CP</b>	<b>Tỷ lệ:</b>	<b>0,03 %</b>

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2016 Công ty không có tăng vốn chủ sở hữu.

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

Trong năm 2016 Công ty không có cổ phiếu quỹ

**e. Các chứng khoán khác:**

Trong năm 2016 không có chứng khoán khác

**5. Báo cáo tác động đến môi trường:**

- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.
- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1. Khó khăn

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cơ chế thị trường gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt hơn. Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán của các nhà sản xuất thép trong nước (nhiều nhà cung cấp mới đưa sản phẩm ra thị trường với giá thấp để chiếm thị phần), đặc biệt là các đơn vị sử dụng nguồn phôi giá rẻ Trung Quốc đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá của một số vật tư nguyên liệu chủ yếu như thép vụn, hợp kim luôn biến động gây nhiều khó khăn trong công tác thu mua và dự trữ hàng tồn kho.
- Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán thành phẩm của các nhà sản xuất thép trong nước (tăng giảm giá bán không đồng bộ giữa các nhà sản xuất phía Nam) từ đầu năm đến nay làm cho giá bán thép thành phẩm của Công ty cũng không được ổn định, ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty.

##### 1.2. Thuận lợi

- Vào những tháng đầu năm, do nhu cầu thép dài có dấu hiệu khởi sắc, do việc áp thuế phòng vệ lên mặt hàng thép cuộn và phôi thép nhập khẩu được thực hiện. Các yếu tố này đã có tác động tốt đến thị trường tiêu thụ thép trong nước. Trong điều kiện thuận lợi đó Công ty đã đẩy mạnh sản xuất tối đa để đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Bộ máy tổ chức của Công ty luôn được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn thực hiện tốt nhiệm vụ. Thiết bị công nghệ từng bước được đầu tư nâng cấp, trình độ tay nghề của đội ngũ CBCNV luôn được phát huy tốt đã sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, được thị trường ngày càng tin dùng, góp sức cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu thép Chữ V, Thép Miền Nam.
- Công ty đã nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời về nhiều mặt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như những hỗ trợ của các phòng ban chức năng của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016: Lợi nhuận sau thuế đạt **30,47 tỷ đồng**.

#### 2. Tình hình tài chính:

##### 2.1. Tình hình tài sản

Về tình hình tài sản tính đến cuối năm 2016 giảm 25 tỷ đồng tức giảm 7,15 % so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn giảm 22 tỷ đồng (giảm 8,6 %), tài sản dài hạn giảm 2,6 tỷ đồng (giảm 2,9 %). Nhìn chung tài sản cuối năm 2016 giảm so với đầu năm 2016.

Tài sản ngắn hạn Công ty cuối năm 2016 giảm nhiều so với cuối năm 2015. Trong đó hàng tồn kho cuối năm 2016 giảm nhiều so với cuối năm 2015 là 42,8 tỷ đồng. Ban lãnh đạo Công ty đã quản trị tốt hàng tồn kho, chỉ tồn kho những vật tư thiết bị hợp lý làm giảm chi phí tài chính.

- **Về đầu tư mới:** Đầu tư với 10 hạng mục (Đặc biệt là hạng mục Cải tạo, nâng cấp Móng thiết bị Đúc liên tục R 5,25m), đưa vào sử dụng và quyết toán xong với giá trị 12,7 tỷ đồng.
- **Về công tác sửa chữa:** Sửa chữa lớn 06 hạng mục, đã đưa vào sử dụng và quyết toán xong với giá trị 4,36 tỷ đồng.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Về tình hình nợ phải trả cuối năm 2016 là 93 tỷ so với đầu năm 122 Tỷ, giảm 29 tỷ (giảm 23,65%) chủ yếu là khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2016 giảm so với đầu năm (giảm 44,67 tỷ đồng).

Về đóng góp ngân sách, trong năm Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm 2016 là 30,3 tỷ đồng giảm 3,1 tỷ đồng (giảm 9,28 %) so với năm 2015.

Công ty có tình hình tài chính lành mạnh, khả năng thanh toán tốt. Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn này đạt hiệu quả nhất.

## 3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.
- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị. Quy hoạch các bãi bê-tông chứa thép vụn, tiếp nhận trên 180.000 tấn thép vụn và gang. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và đảm bảo lượng liệu tồn đến cuối tháng 12/2016 khoảng 7.000 tấn.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám Đốc, phối hợp với ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc, Đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.
- Công ty đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

Năm 2016 là năm tương đối thuận lợi đối với Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL, với sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty, cùng với sự giúp đỡ và chỉ đạo kịp thời, toàn diện về nhiều mặt của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2016 của Công ty vẫn giữ ở mức ổn định các sản phẩm chủ lực cả về sản xuất lẫn tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng đầy đủ và kịp thời các chủng loại sản phẩm, theo chuyên môn hóa của Tổng Công ty, ổn định được thu nhập và đời sống cho CBCNV.

## V. Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Lê Văn Cam)	3.796.875	25 %	Thành viên chuyên trách
02	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Tiến)	2.278.125	15 %	Thành viên điều hành công ty
03	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Văn Lộc)	2.278.125	15 %	Thành viên chuyên trách
04	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Đông Vững)	1.518.750	10 %	Thành viên điều hành công ty
05	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	Thành viên không điều hành công ty

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	4	4/4
02	Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên HĐQT	4	4/4
03	Nguyễn Bảo Giang	Ủy viên HĐQT	4	3/4
04	Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên HĐQT	4	4/4
05	Nguyễn Đông Vững	Ủy viên HĐQT	4	4/4

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

STT	Số	Ngày	Nội dung					
01	14/NQ-ĐHĐCĐ-VCS	30/03/2016	Nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2015 và nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2016 như sau: * Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:					
			<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch</th> <th>Thực hiện</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thép Luyện</td> <td>tấn</td> <td>140.000</td> <td>143.145</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Thép Luyện
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện					
Thép Luyện	tấn	140.000	143.145					

Thép Cán	tấn	120.000	122.578
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.748	1.402
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	120.000	123.414
Tiêu thụ Phôi thép	Tấn	20.000	17.113
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12.820	49.212
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10.000	38.329

\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016
1.Sản xuất:		
-Phôi thép	Tấn	150.000
-Thép cán	Tấn	130.000
2.Chất lượng sản phẩm:		
-Phôi Thép loại 1	%	>99,0
-Cán Thép loại 1	%	>98,5
3.Tiêu thụ sản phẩm:		
-Phôi thép	Tấn	15.000
-Thép cán	Tấn	130.000
4.Doanh thu	Triệu đồng	1.252.200
5.Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	25.000
6.Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.000
7.Cổ tức	%	11

2. Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015.

3. Thông qua báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2015.

4. Thông qua báo cáo của ban kiểm soát năm 2015.

5. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận năm 2014 chuyển qua	69.007.550
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2015	38.328.627.933
3	Chia cổ tức 15% vốn điều lệ	22.780.983.000
4	Trích lập quỹ đầu tư phát triển 2,6 % LN	1.000.000.000
5	Trích lập quỹ phúc lợi 7% LN	2.683.004.000
6	Trích lập quỹ khen thưởng 1% LN	383.286.000
7	Thưởng HĐQT, BKS, BDH, TK (Lợi nhuận vượt KH)	500.000.000
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2016	11.050.362.483

6. Thông qua tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (VND)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2016	25.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2016 (Trừ 20% thuế TNDN)	20.000.000.000
3	Lợi nhuận năm 2015 chuyển sang	11.050.362.483
4	Cổ tức 11 % vốn điều lệ	16.706.054.200
5	Trích lập quỹ đầu tư phát triển 5% lợi nhuận	1.000.000.000
6	Trích lập quỹ phúc lợi 7% lợi nhuận	1.400.000.000
7	Trích lập quỹ khen thưởng 1% lợi nhuận	200.000.000
8	Lợi nhuận còn lại lũy kế chưa phân phối	11.744.308.283

			<p>7. Thông qua tiền lương và mức thù lao của Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2016 như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lương HĐQT, Tổng Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chủ tịch HĐQT: 30,00 tr.đ/người/th</li> <li>+ Tổng Giám đốc: 29,00 tr.đ/người/th</li> <li>+ Ủy viên HĐQT: 21,00 tr.đ/người/th</li> <li>+ Phó Tổng Giám đốc: 25,00 tr.đ/người/th</li> <li>+ Trưởng Ban kiểm soát: 21,00 tr.đ/người/th</li> <li>+ Kế toán trưởng: 21,00 tr.đ/người/th</li> </ul> </li> <li>- Thù lao của thành viên không chuyên trách HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT:             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ủy viên HĐQT: 4,00 tr.đ/người/th</li> <li>+ Kiểm soát viên, thư ký HĐQT: 3,00 tr.đ/người/th</li> </ul> </li> </ul> <p>8. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2016.</p> <p>9. Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty cho phù hợp với Luật doanh nghiệp sửa đổi.</p> <p>10. Thông qua tờ trình thay đổi tên Công ty: Công ty Cổ phần thép VICASA – VNSTEEL.</p> <p>11. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Ông Lê Đức Thọ và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT Ông Nguyễn Đông Vững</p> <p>12. Đại hội nhất trí giao cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.</p> <p>13. Giao cho ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của HĐQT và ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>
02	16/NQ-HĐQT	21/04/2016	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 2/2016</li> <li>- Triển khai nhanh gọn các đầu tư trọng điểm đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đúng quy trình, tiến độ.</li> <li>- Tập trung chỉ đạo tiết giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm. Tăng tỷ lệ nạp phôi nóng trực tiếp. Giảm nhanh lượng tồn phôi nguội.</li> <li>- Có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa phòng ngừa các thiết bị chính, không để xảy ra các hư hỏng đột xuất, bị động. Chuẩn bị đầy đủ các phụ tùng dự phòng cho thiết bị chính, nhất là các phụ tùng nhập khẩu.</li> </ul>

96  
 NG  
 PH  
 TH  
 SA-V  
 OA





**e) Ban Kiểm soát**

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban kiểm soát đến 31/12/2016 sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

STT	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Nguyễn Phước Hải	Không		Trưởng Ban
03	Lê Trọng Dung	2.137	0,0001 %	Ủy viên
04	Hồ Duy Khải	337 CP	0,0000 %	Ủy viên

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016 Ban kiểm soát đã tham gia 04 cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp BKS để lên kế hoạch công tác, thực hiện chức năng giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và trình các kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2016 bao gồm:

- Xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2016 liên quan đến việc thực hiện kế hoạch từng quý, năm 2016.
- Xem xét, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro, đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.
- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn trong năm 2016.
- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính từng quý, 06 tháng và năm 2016 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

**f) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

a. Lương, thưởng, thù lao: Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Cộng
01	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	512.260.843		<b>512.260.843</b>
02	Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	497.223.938		<b>497.223.938</b>
03	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	315.200.706		<b>315.200.706</b>
04	Nguyễn Văn Lộc	Thành viên HĐQT	345.258.973		<b>345.258.973</b>
05	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT		48.000.000	<b>48.000.000</b>

06	Lê Văn Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc	356.510.711		<b>356.510.711</b>
07	Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám Đốc	388.551.958		<b>388.551.958</b>
08	Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát	347.455.051		<b>347.455.051</b>
09	Lê Trọng Dung	Thành viên ban kiểm soát	368.408.498		<b>368.408.498</b>
10	Hồ Duy Khải	Thành viên ban kiểm soát	325.297.575		<b>325.297.575</b>
11	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng	379.205.261		<b>379.205.261</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.835.373.514</b>		<b>3.883.373.514</b>

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2016 Công ty không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng).

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2016 không có hợp đồng về giao dịch đối với cổ đông nội bộ.

**VI. Báo cáo Tài chính:**

1. Ý kiến kiểm toán:

*Ý kiến kiểm toán:*

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được kiểm toán bởi “Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC” lập ngày 13 tháng 02 năm 2017.

Kiểm toán viên: **Nguyễn Thái** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1623-2013-002-1) đã ký.

Giám đốc: **Ngô Minh Quý** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2434-2013-002-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2016:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016:

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>236.451.862.794</b>	<b>258.698.590.830</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>VI.1</b>	<b>46.456.265.470</b>	<b>70.869.272.827</b>
1. Tiền	111		46.456.265.470	70.869.272.827
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>VI.2</b>		
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>66.547.303.978</b>	<b>21.810.189.494</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	68.154.554.904	21.643.110.066
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	191.878.808	1.924.660.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	295.616.889	219.803.313
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.094.746.623)	(1.977.383.885)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>VI.7</b>	<b>121.348.459.596</b>	<b>164.172.900.215</b>
1. Hàng tồn kho	141		121.348.459.596	165.071.623.228
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(898.723.013)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.099.833.750</b>	<b>1.846.228.294</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	2.099.833.750	1.846.228.294
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.824.036.369</b>	<b>88.408.579.461</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.557.176.315</b>	<b>85.276.734.895</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	82.557.176.315	85.276.734.895
- Nguyên giá	222		380.669.914.550	364.962.039.715
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(298.112.738.235)	(279.685.304.820)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>851.713.429</b>	<b>952.719.895</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	851.713.429	952.719.895
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.415.146.625</b>	<b>2.179.124.671</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	2.415.146.625	2.179.124.671
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>322.275.899.163</b>	<b>347.107.170.291</b>

6009  
CỘNG  
HỘ P  
TH  
ASA-V  
CỎA-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>93.446.831.987</b>	<b>122.395.424.428</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>93.446.831.987</b>	<b>122.395.424.428</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	30.352.509.374	15.543.838.137
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.000.000	10.840.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	463.882.658	3.480.857.613
4. Phải trả người lao động	314		19.289.722.677	14.999.627.656
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	185.497.073	448.056.829
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	1.688.450.764	1.690.511.898
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	41.298.369.200	85.971.523.554
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		133.400.241	250.168.741
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>228.829.067.176</b>	<b>224.711.745.863</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>VI.25</b>	<b>228.829.067.176</b>	<b>224.711.745.863</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	13.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.514.956.796	38.397.635.483
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.050.362.483	38.397.635.483
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.464.594.313	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>322.275.899.163</b>	<b>347.107.170.291</b>

017  
GT  
HÀ  
ẾP  
NSTE  
T. Đ

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016
	1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.412.749.168.682
2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	1.896.021.160
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		1.861.091.160
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06		34.930.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.410.853.147.522
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	1.339.027.996.752
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		71.825.150.770
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.523.426.912
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	798.610.169
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		794.825.685
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-
9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	14.132.068.342
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	19.741.248.619
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		38.676.650.552
12	Thu nhập khác	31	VII.6	513.972.728
13	Chi phí khác	32	VII.7	1.059.869.490
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(545.896.762)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		38.130.753.790
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	7.666.159.477
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		30.464.594.313
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.845
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		



Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần thép VICASA - VNSTEEL được lưu trên Website [www.vicasasteel.com](http://www.vicasasteel.com) và địa chỉ [www.thepbienhoa.com.vn](http://www.thepbienhoa.com.vn)

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL.

Mã chứng khoán: VCA.

Trân trọng. 

Biên Hòa, ngày 15 tháng 02 năm 2017  
Thay mặt Ban điều hành Công ty  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Xuân Tiên**

C.P.  
★